TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-PT
Ngày: 21 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2022/TLPT-HS ngày 24/02/2022 đối với các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Lê Ngọc D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1995, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn PT, xã ĐT, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc A, sinh năm 1961 và bà Lý Nữ Ngọc D1, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Minh S (tên gọi khác: B), sinh ngày 15 tháng 3 năm 1997, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn 1, xã ĐT, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được cha, mẹ là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án: Ngày 27/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Duy N, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1995, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT: Thôn 1, xã ĐC, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Thôn PT, xã ĐT, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ quảng cáo; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; vợ đã ly hôn, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 20/12/2020, trên đường đi chơi về, Nguyễn Duy N rủ Lê Ngọc D và Nguyễn Minh S tiếp tục đi ra thành phố Quảng Ngãi chơi thì D và S đồng ý. Lúc này, D nói "Không đủ tiền sao đi chơi" nên N nói "Xuống đường tránh đông quốc lộ 1A Mộ Đức chặn xe lấy tiền để đi chơi" thì D, S đều thống nhất đi. S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76B1-542.10 chở D ngồi phía sau cầm theo cây gậy sắt 03 khúc, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76G1-421.79 đi một mình, rồi cả nhóm đi xuống đường tránh đông quốc lộ 1A gần Khu dân cư Nam Khang ở xã ĐT, huyện M để thực hiện hành vi, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Khi đi đến đoạn cổng chào xã ĐT thì thấy ông Nguyễn Văn N điều khiển xe máy đi hướng từ xã ĐM lên đường tránh đông quốc lộ 1A, rồi đi ra hướng Bắc trên đường tránh đông quốc lộ 1A nên S chở D chạy theo, đi song song rồi vượt lên chặn đầu xe ông N thì ông N dừng xe lại. Lúc này, D cầm cây gậy 03 khúc trên tay và nói với ông N "Cho xin vài chục uống cà phê chú" thì ông N trả lời "Chú không có tiền, có cái điện thoại thôi". Lúc này, ông N đưa ra 01 điện thoại di động cho S và D xem thì S cầm lấy điện thoại rồi lên xe bỏ đi, khi đi được một đoạn thì N cũng vừa chạy xe đến, thấy D cầm điện thoại trên tay thì N hỏi D "Ở đâu vậy", D trả lời "Mới xin tiền ông kia không có nên đưa điện thoại", N nói với D "Tao không có điện thoại, thôi đưa tao dùng" nên D đưa điện thoại này cho N cầm, sử dụng.

Lần thứ 2: D, N, S đi theo đường tránh đông quốc lộ 1A hướng từ Nam ra Bắc, đến đoạn đường vắng đứng ở mép đường phía Đông thì thấy xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 77C-16732 do ông Nguyễn Văn Q điều khiển, kéo theo rơ mooc biển kiểm soát 77R-02302 đi hướng từ Bắc vào Nam nên S, D, N pha đèn chiếu từ xa thì xe ô tô này đi chậm rồi dừng lại. Lúc này, N điều khiển xe đi vòng ra phía sau đuôi xe, S đứng trước đầu xe khoảng 04m, D cầm cây gậy sắt 03 khúc đến gõ kính chỗ tài xế để xin tiền. Lúc này, ông Q hỏi D "Có việc gì", D nói "Cho xin ít tiền" thì ông Q hỏi là tiền gì, D cầm cây gậy sắt 03 khúc giơ lên và nói "Có cho không". Liền sau đó, ông Q xuống xe cầm theo 01 thanh sắt đến chỗ D nói chuyện và dùng thanh sắt đánh trúng vào ngực của D, D dùng cây gậy sắt 03 khúc đánh lại ông Q trúng vào đầu của

ông Q làm chảy máu. Sau đó, ông Q bỏ chạy qua đầu xe hướng qua bên tài phụ thì D đuổi theo và tiếp tục xô xát, giằng co với ông Q làm ông Q ngã xuống đất và làm rơi thanh sắt ra đường. Lúc này, N ở phía sau xe thấy D và ông Q đang giằng co nhau nên điều khiển xe chạy đến cầm lấy thanh sắt của ông Q làm rơi ra đường, N thấy ông Q bị chảy máu ở đầu nên chặn D lại không cho đánh ông Q nữa, ông Q bỏ chạy luồn qua gầm xe để chạy ngược lên chỗ ca bin xe bên tài chính, D cầm cây gậy sắt 03 khúc đuổi theo sau thì N nói với D "Đi đi D", nhưng D không nghe mà tiếp tục đuổi theo sau ông Q nên S nói với D "Đi đi D" nhưng D vẫn tiếp tục cầm gậy sắt 03 khúc đuổi theo ông Q. Khi đến chỗ ca bin xe bên tài chính thì ông Q leo lên xe, D cũng vừa đuổi tới và đứng trên thành xe ngay cửa xe đang mở. Lúc này, D vừa cầm cây gậy sắt 03 khúc duỗi thẳng tay khép sát người, vừa nói với ông Q "Xe khác tao lấy 50.000 đồng chứ xe mày tao lấy 200.000 đồng" thì ông Q lấy tiền để trong hộc tủ gần cần số xe đưa cho D 50.000 đồng, D dùng tay cầm lấy thêm số tiền 20.000 đồng trong hộc tủ này rồi xuống xe thì ông Q dùng tay chụp lấy cổ áo khoác của D kéo lại. Khi D đang giằng co với ông Q thì N điều khiển xe chạy đến dùng tay kéo áo D xuống nên D xuống xe và lên xe của N rồi bỏ đi, còn S lái xe theo sau.

Trong quá trình điều tra, D, N, S và Nguyễn Văn A còn khai nhận: Vào ngày 20/12/2020, trước lần lấy điện thoại của ông Nguyễn Văn N thì D, N, S cùng với Nguyễn Văn A còn 05 lần thực hiện hành vi chặn xe xin tiền tài xế trên đường tránh đông quốc lộ 1A, thuộc địa bàn huyện Mộ Đức. Sau lần lấy điện thoại của ông N thì D, N và S còn 02 lần thực hiện hành vi chặn xe xin tiền tài xế trên đường tránh đông quốc lộ 1A, thuộc địa bàn huyện Mộ Đức. Trong 07 lần chặn xe xin tiền nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộ Đức đã thông báo tìm người bị hại theo quy định nhưng chưa xác định được bị hại, trong hồ sơ vụ án chỉ có lời khai của D, N, S và Nguyễn Văn A thừa nhận đã thực hiện các lần chặn xe xin tiền nêu trên, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộ Đức tách ra để làm rõ, xử lý sau.

Ngày 26/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mộ Đức có kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG kết luận 01 điện thoại di động màu đen bạc có giá trị là 238.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 08 (Tám) năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 02 (Hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 07/01/2021).

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Minh S phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 19/10/2021).

3. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 07 (Bảy) năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 19/10/2021).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/12/2021, các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N kháng cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N phạm tội *"Cướp tài sản"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 và tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm chỉ có mẹ bị cáo Nguyễn Duy N cung cấp thêm chứng cứ chứng minh bị cáo có cậu ruột là liệt sĩ Nguyễn Đăng V và mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa bản án sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 07 năm 09 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* và 01 năm 09 tháng tù về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 01 năm 03 tháng tù về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* và giữ nguyên mức hình phạt về tội *"Cướp tài sản"*.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy N áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với tội *"Cướp tài sản"*, xử phạt bị cáo mức án 06 năm 03 tháng tù; áp dụng mức án đầu khung hình phạt cho bị cáo về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo D, S, N là phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đầy đủ căn cứ xác định: Để có tiền tiêu xài, khoảng 02 giờ ngày 20/12/2020 bị cáo N đề xướng cả nhóm xuống đường tránh đông Quốc lộ 1A, thuộc địa phận huyện Mộ Đức, thực hiện hành vi chặn xe lấy tiền đi chơi, bị cáo D, S thống nhất. Bị cáo S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76B1-542.10 chở bị cáo D ngồi sau cầm theo cây gậy sắt 03 khúc, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76G1-421.79 đi một mình; các bị cáo đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Khi phát hiện ông Nguyễn Văn N điều khiển xe máy đi một mình, bị cáo S chở bị cáo D chạy theo, áp sát, chặn đầu xe ông N để xin tiền. Bị cáo D cầm cây gậy sắt 03 khúc trên tay và nói với ông N *"Cho xin vài chục uống cà phê chú"* thì ông N trả lời *"Chú không có tiền, có cái điện thoại thôi"*. Bị cáo S thấy ông N đưa 01 điện thoại thì cầm lấy rồi lên xe bỏ đi. Khi đi thì bị cáo N nhìn thấy điện thoại nên hỏi D *"Ở đâu vậy"*, D trả lời *"Mới xin tiền ông kia không có nên đưa điện thoại"*, N nói với D *"Tao không có điện thoại, thôi đưa tao dùng"* nên D đưa điện thoại này cho N sử dụng.

Lần thứ 2: Các bị cáo D, S, N chặn xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 77C-16732 do ông Nguyễn Văn Q điều khiển, kéo theo rơ mooc biển kiểm soát 77R-02302. Khi xe ô tô dừng lại thì bị cáo N điều khiển xe đi vòng ra phía sau đuôi xe, bị cáo S đứng trước đầu xe, bị cáo D cầm gậy sắt 03 khúc đến gõ kính chỗ ông Q ngồi hỏi xin tiền nhưng ông Q không cho. Sau đó, ông Q xuống xe cầm theo 01 thanh sắt đến chỗ bị cáo D nói chuyện và dùng thanh sắt đánh trúng vào ngực của bị cáo D nên bị cáo D dùng cây gậy sắt 03 khúc đánh lại ông Q trúng vào đầu làm chảy máu; ông Q bỏ chạy thì bị cáo D đuổi theo và tiếp tục xô xát, giằng co với ông Q làm ông Q ngã xuống đất và làm rơi thanh sắt ra đường. Lúc này, bị cáo N điều khiển xe chạy đến cầm lấy thanh sắt của ông Q, rồi chặn bị cáo D lại không cho đánh ông Q nữa nhưng bị cáo D vẫn cầm cây gậy sắt 03 khúc đuổi theo sau ông Q lên ca bin xe. Bị cáo D vừa cầm cây gậy sắt 03 khúc và nói với ông Q *"Xe khác tao lấy 50.000 đồng chứ xe mày tao lấy 200.000 đồng"* thì ông Q lấy tiền để trong hộc tủ gần cần số xe đưa cho bị cáo D 50.000 đồng, bị cáo D dùng tay cầm lấy thêm số tiền 20.000 đồng trong hộc tủ này rồi xuống xe thì bị ông Q dùng tay chụp lấy cổ áo khoác của bị cáo D kéo lại, bị cáo N điều khiển xe chạy đến dùng tay kéo bị cáo D xuống xe, rồi cả 3 bị cáo bỏ đi.

Lần chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn N, các bị cáo S, D lợi dụng đêm tối, ở đoạn đường vắng, cầm theo hung khí, chặn xe uy hiếp ông N để chiếm đoạt tài sản, làm cho ông N sợ hãi, không dám chống cự và đưa điện thoại cho 02 bị cáo, điện thoại được định giá 238.000 đồng. Mặc dù, lúc bị cáo S, D thực hiện hành vi phạm tội với ông N không có bị cáo N, nhưng chính bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê bị cáo D, S đi chặn xe, xin tiền và khi biết điện thoại do các bị cáo D, S chiếm đoạt của người khác thì bị cáo bảo bị cáo D đưa điện thoại để sử dụng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lần chiếm đoạt tài sản của ông Q, cũng với thủ đoạn lợi dụng đêm tối, đường vắng người, các bị cáo D, S, N đã dùng hung khí uy hiếp để chặn xe ông Q và xin tiền. Tuy nhiên, sau khi uy hiếp tinh thần của ông Q để chiếm đoạt tài sản không thành công, ông Q có hành vi chống cự thì bị cáo D đã sử dụng vũ lực đối với ông Q, làm cho ông Q lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của ông Q số tiền 70.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Ngọc D dùng vũ lực để chiếm đoạt

tài sản của ông Q đã cấu thành tội *"Cướp tài sản"*, các bị cáo Nguyễn Duy N, Nguyễn Minh S tuy không trực tiếp dùng hung khí uy hiếp, tấn công ông Q để cướp tài sản nhưng đều thống nhất thực hiện tội phạm, chặn đầu xe và đuôi xe ông Q, giúp sức cho bị cáo D về mặt tinh thần khi sử dụng vũ lực đối với ông Q để chiếm đoạt tài sản nên là đồng phạm với bị cáo D trong tội *"Cướp tài sản"*. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N về tội *"Cướp tài sản"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, Nguyễn Duy N:

[3.1] Hành vi của các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S và Nguyễn Duy N là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[3.2] Đối với bị cáo Lê Ngọc D: Trong các lần chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn Q thì bị cáo D đều là người trực tiếp cầm hung khí (Gậy 03 khúc) để uy hiếp tinh thần của bị hại và chiếm đoạt tài sản. Khi bị hại chống cự thì bị cáo D đã dùng vũ lực tấn công người bị hại, làm cho họ lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo D thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội *"Cướp tài sản"* và 02 năm tù về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Minh S: Là người thực hành tích cực, trực tiếp tham gia cả hai lần chiếm đoạt tài sản của ông N và ông Q. Trước lần phạm tội này, bị cáo đã có một tiền án về tội *"Trộm cắp tài sản"* chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, vai trò của bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 07 năm 03 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* và 01 năm 06 tháng tù về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Duy N, là người khởi xướng việc đi chặn xe chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã giúp sức tích cực cho bị cáo D trong việc chiếm đoạt tài sản của ông Q, nhưng khi thấy bị cáo D và ông Q xô xát, bị cáo N đã chặn bị cáo D không cho tiếp tục đánh ông Q và bảo đi nhưng bị cáo D không dừng lại mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Trong vụ *"Cưỡng đoạt tài sản"* của ông Nguyễn Văn N, bị cáo không trực tiếp tham gia thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông N. Bên cạnh đó, tại cấp phúc thẩm mẹ bị cáo Nguyễn Duy N

nộp tài liệu chứng minh bị cáo đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo có cậu ruột là liệt sĩ Nguyễn Đăng V, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt đối với tội cướp tài sản; đối với tội cưỡng đoạt tài sản áp dụng mức án đầu khung hình phạt cho bị cáo.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Bị cáo Nguyễn Duy N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Duy N.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 08 (Tám) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 02 (Hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 07/01/2021).

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Minh S phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 19/10/2021).

1.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội *"Cướp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 06 (Sáu) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 54, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội *"Cưỡng đoạt tài sản"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 01 (Một) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải chấp hành hình phạt chung là 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 19/10/2021).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Ngọc D, Nguyễn Minh S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Duy N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện Mộ Đức;
- Công an huyện Mộ Đức;
- CCTHADS huyện Mộ Đức;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang